



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung

Ngày 30/09/2025	48,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.2%	1.3%	3.9%

DT thuần Q3/25
48.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼21.2 -30.4%
YoY: ▲ 16.6 52.0%

LN thuần Q3/25
22.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼21.7 -48.8%
YoY: ▲ 14.0 160%

LN sau thuế Q3/25
18.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼15.2 -44.6%
YoY: ▲ 12.1 179%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
46.7%
YoY: +/-▼ 12.2%

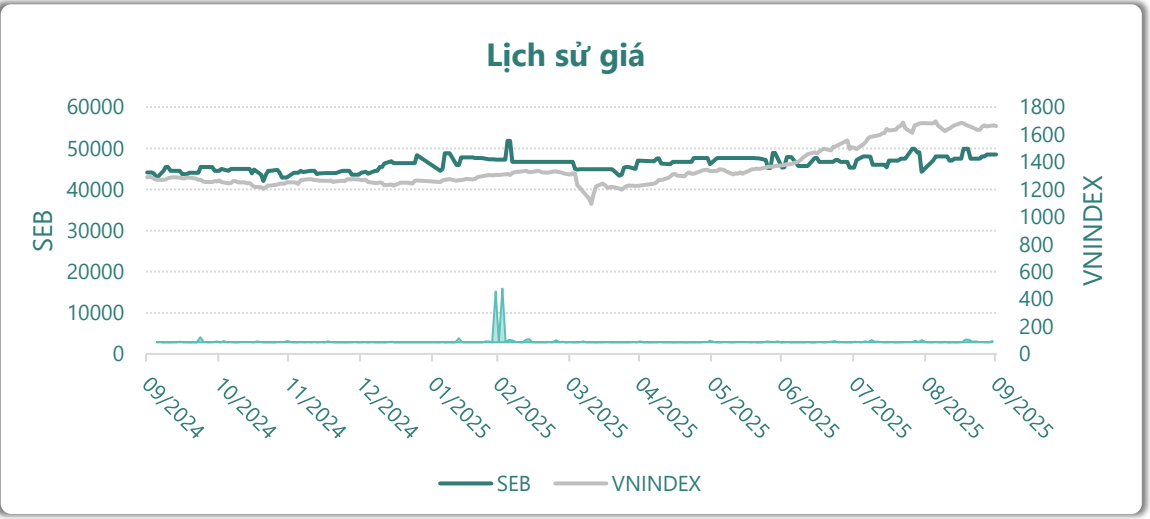
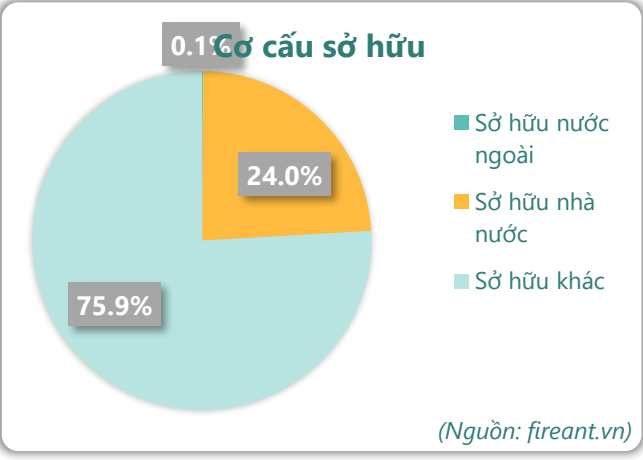
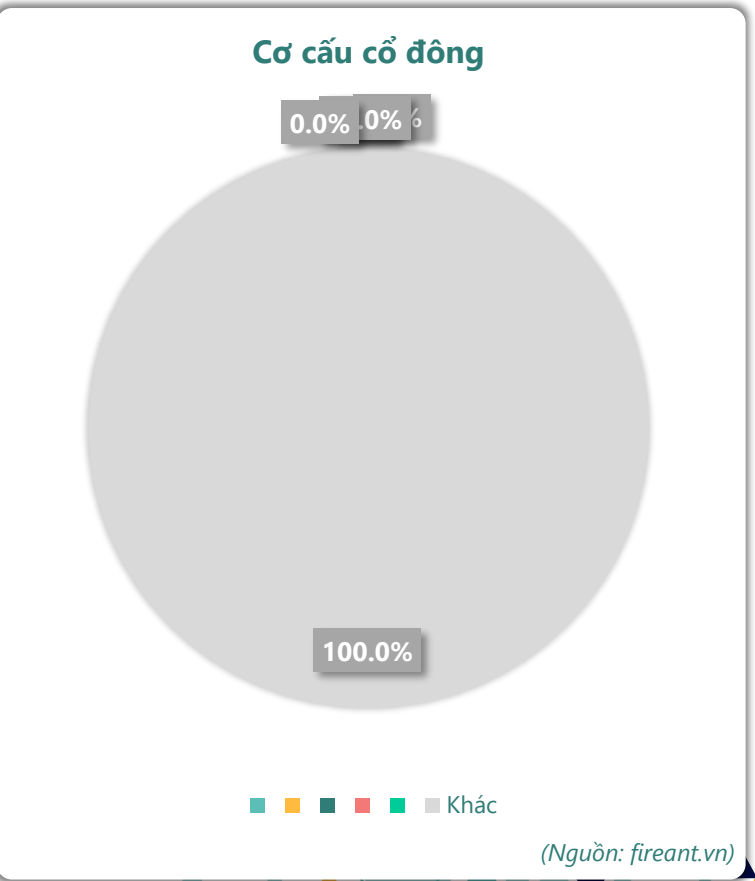
ROE (TTM) Q3/25
20.6%
YoY: +/-▲ 2.0%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	42,039 - 51,798
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,552
Số lượng CPLH (CP)	31,999,969
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,451
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	(0.01)
EPS	4,084
P/E	11.9

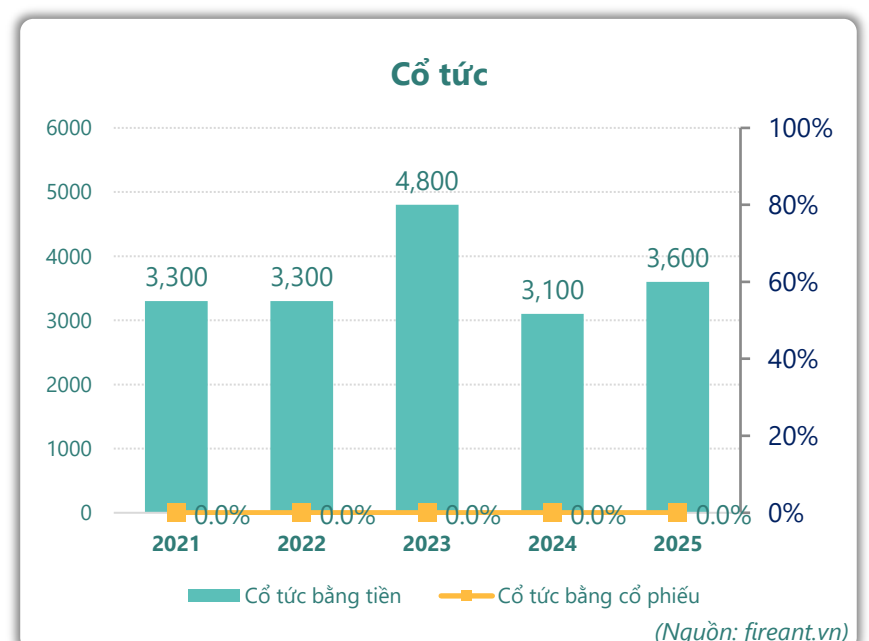
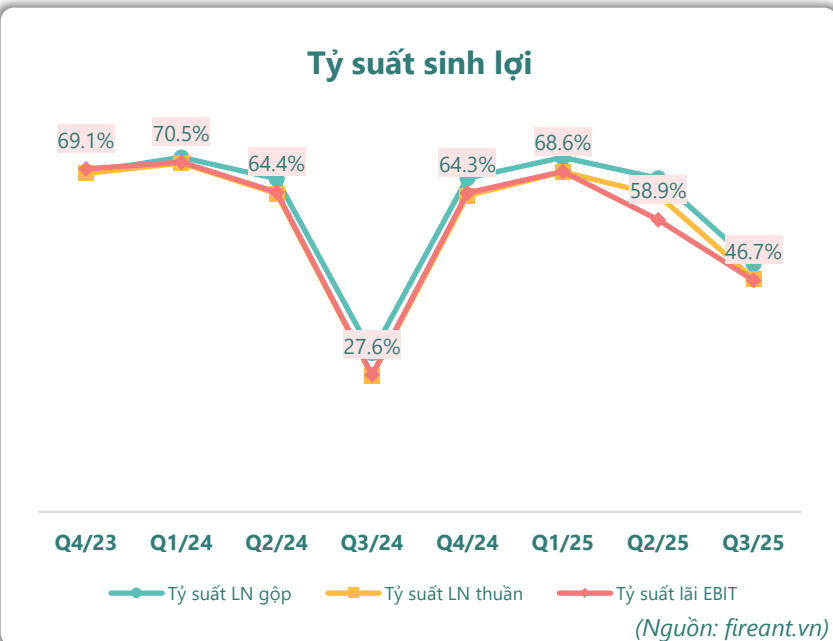
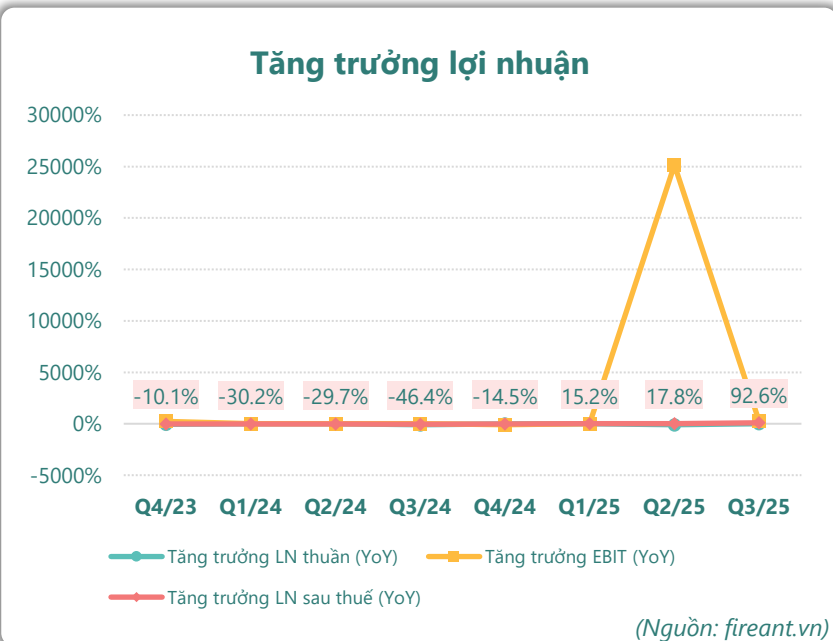
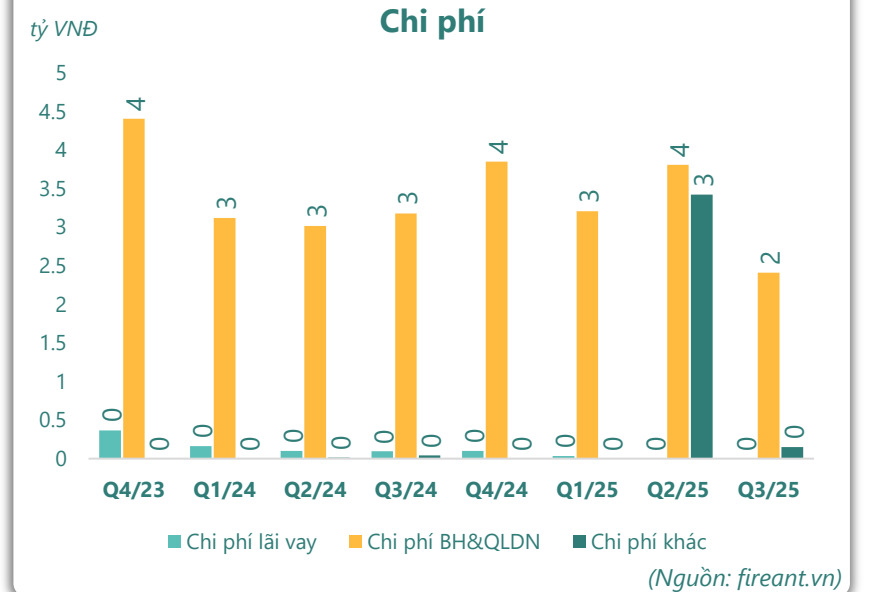
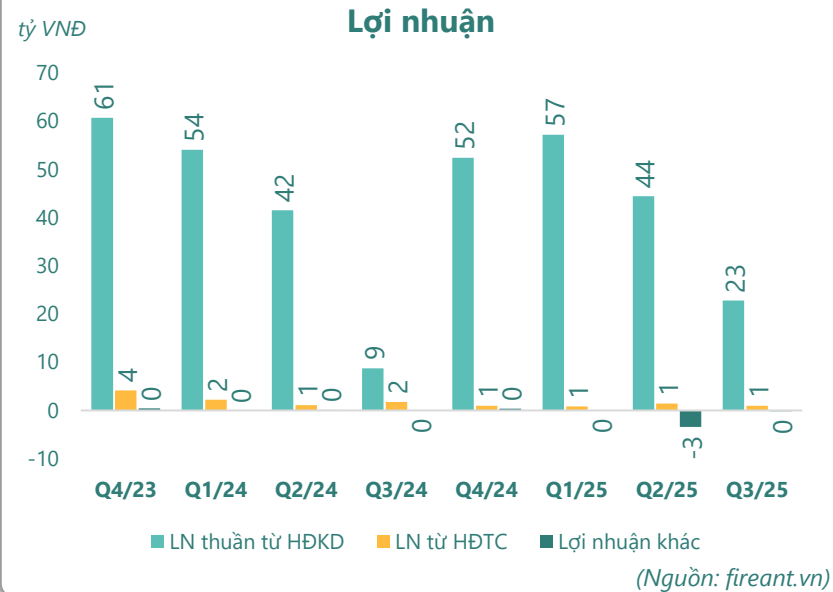
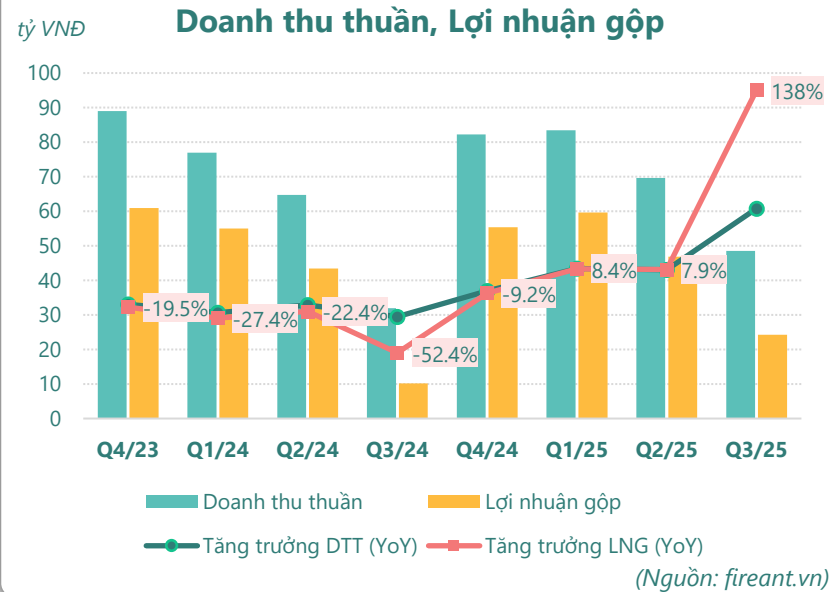
DT thuần 9T 2025
202
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 28.0 16.2%

LN thuần 9T 2025
124
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 20.0 19.3%

LN sau thuế 9T 2025
101
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 12.2 14.0%



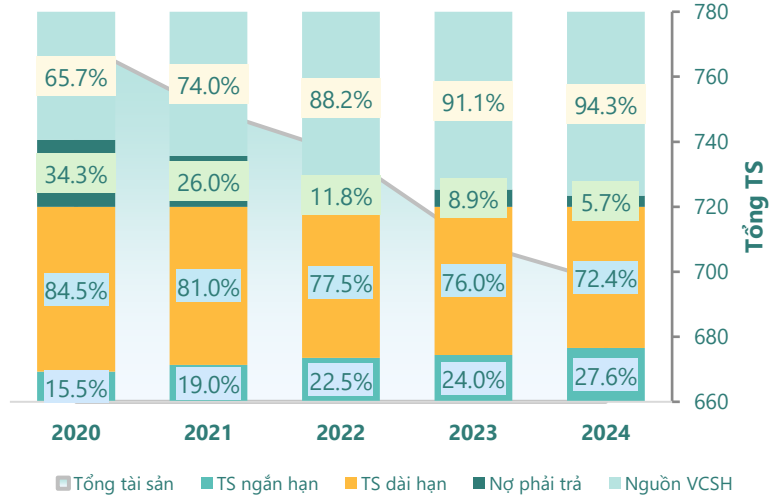
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

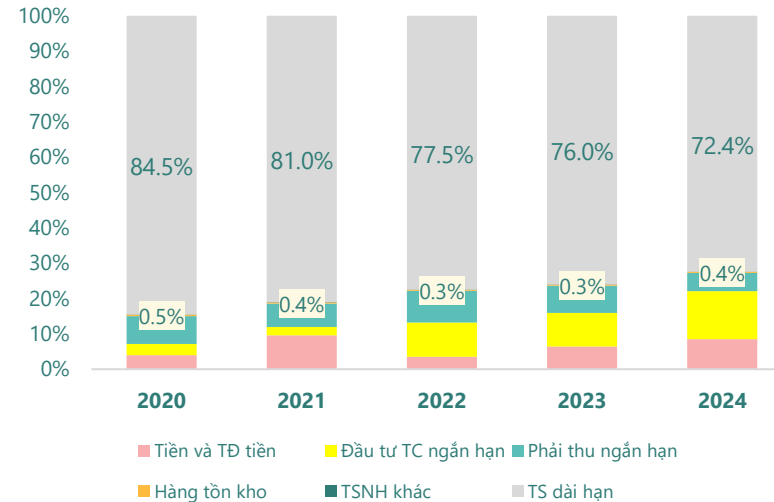
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

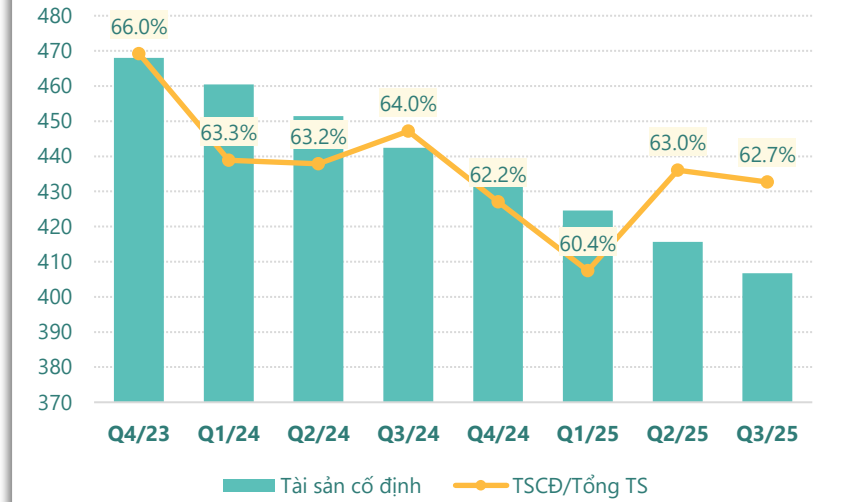
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

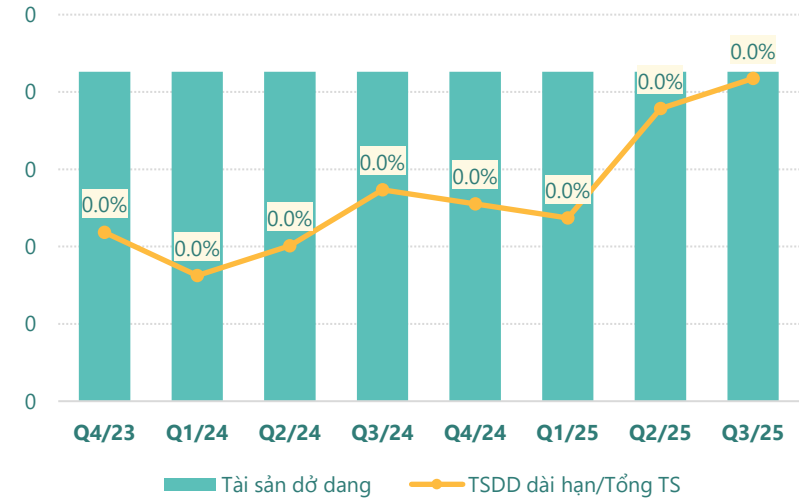
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

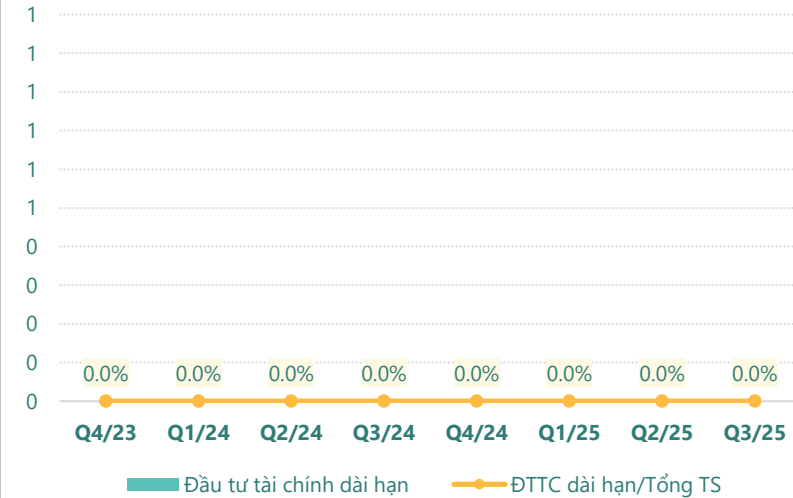
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

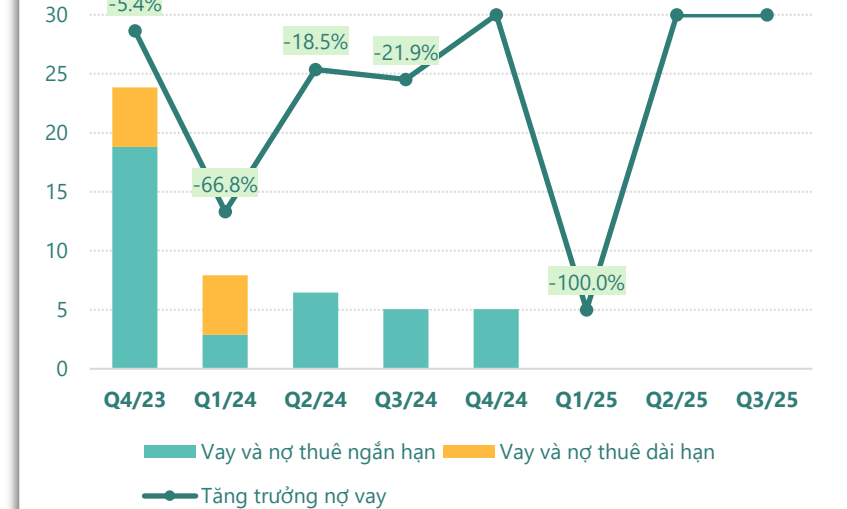
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

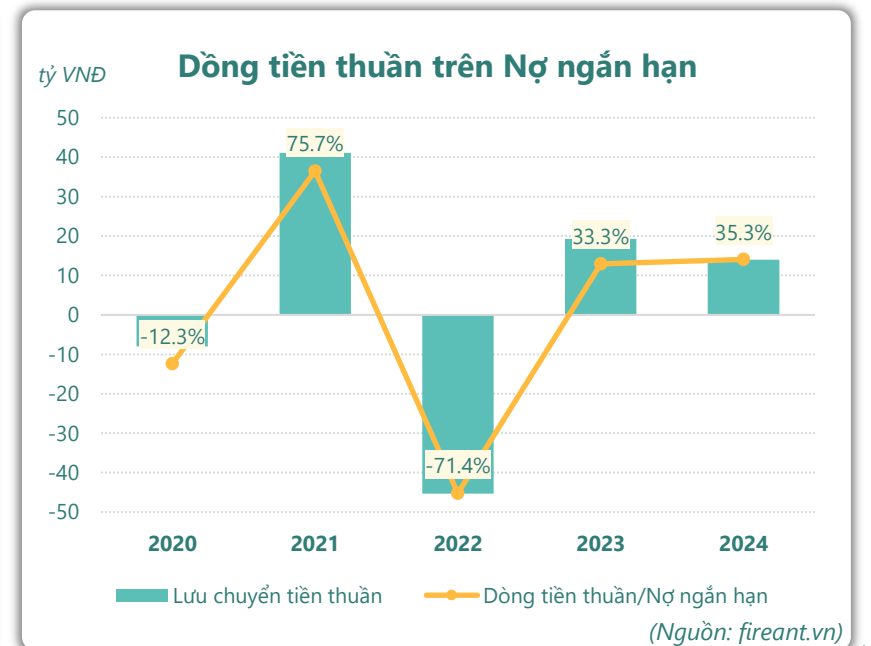
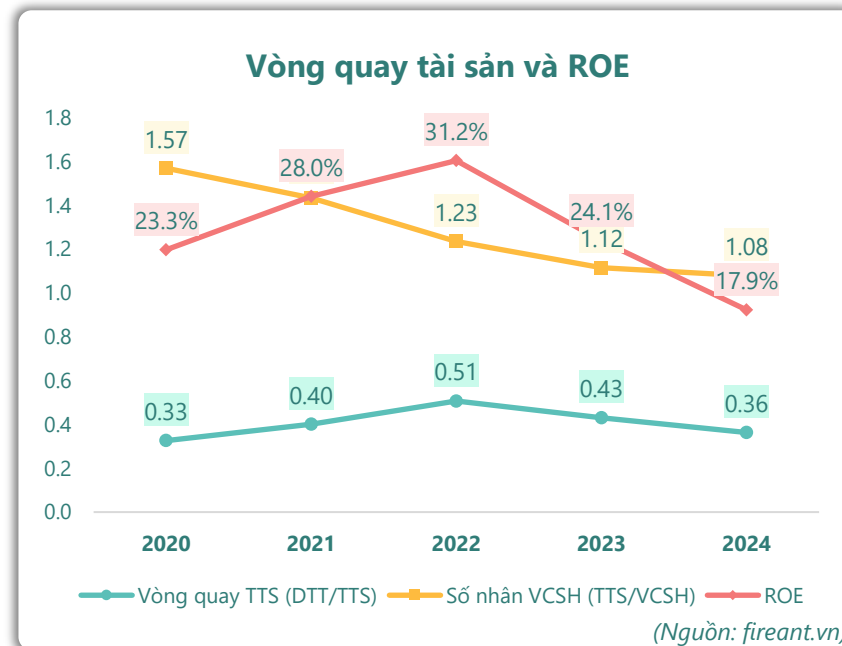
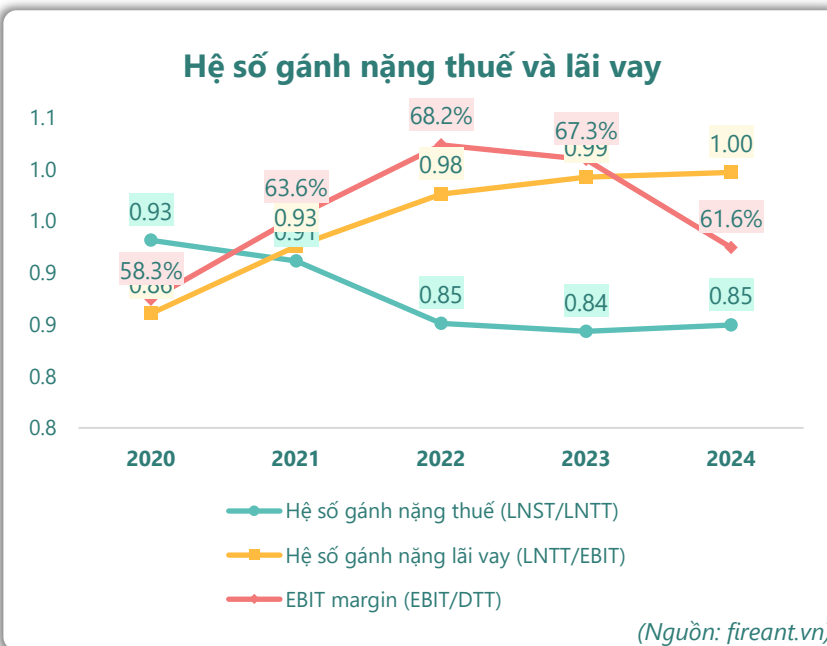
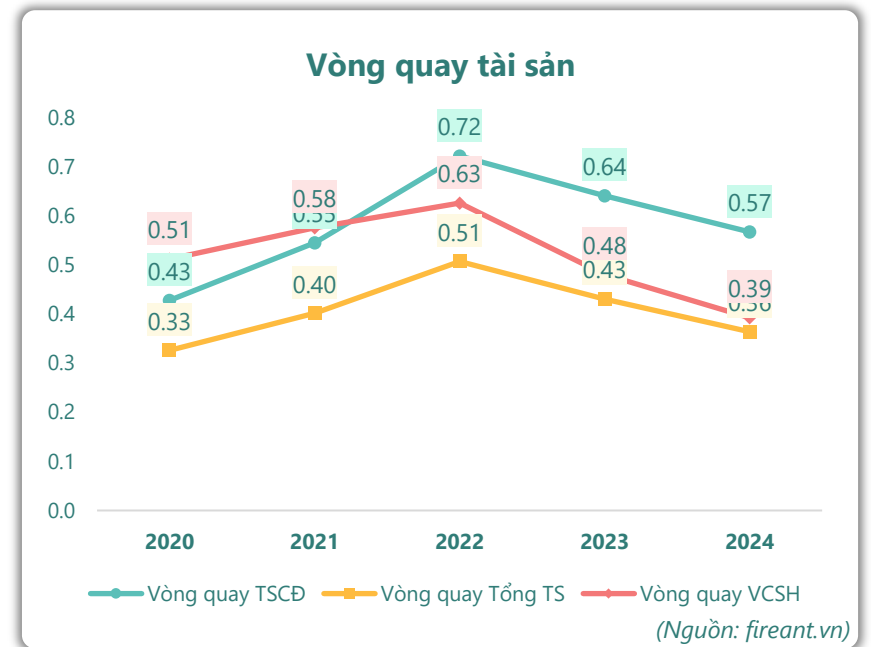
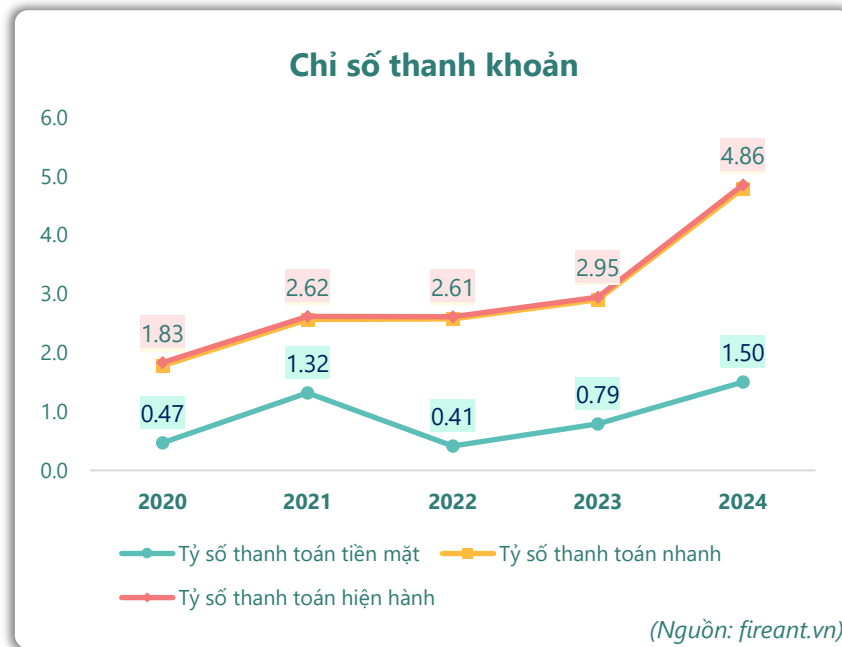
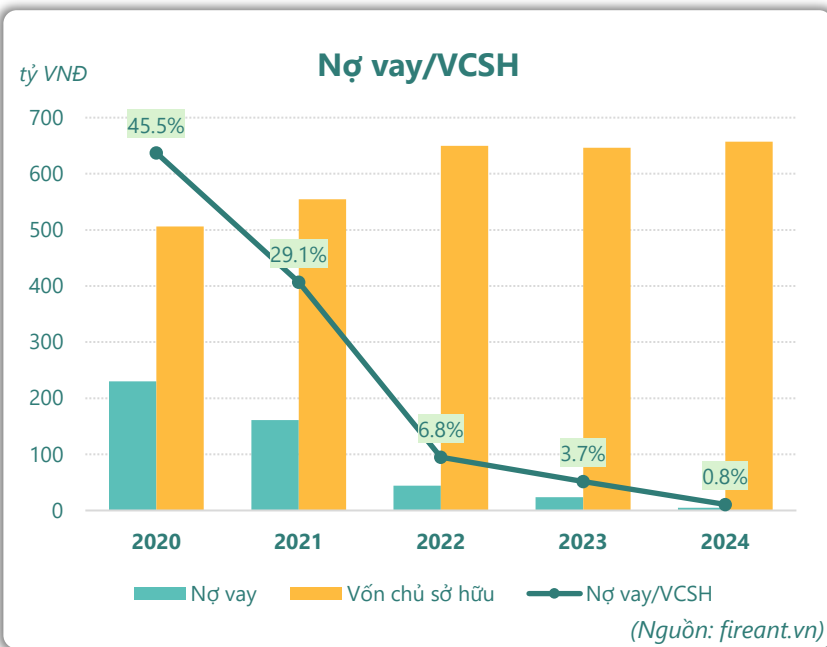
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	48.5	31.9	52.0%	202	174	16.2%
Giá vốn hàng bán	24.3	21.7	11.8%	70.9	64.9	9.3%
Lợi nhuận gộp	24.2	10.2	138%	131	109	20.3%
Doanh thu HĐTC	0.98	1.84	-46.8%	3.23	5.54	-41.7%
Chi phí TC	0	0.09	-100%	0.03	0.51	-93.2%
Chi phí lãi vay	0	0.09	-100%	0.03	0.36	-90.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	2.41	3.18	-24.2%	9.43	9.32	1.2%
LN thuần từ HĐKD	22.8	8.76	160%	124	104	19.3%
Lợi nhuận khác	-0.15	-0.04	-276%	-3.58	0.04	-9358%
LN trước thuế	22.6	8.72	160%	121	104	15.8%
Lợi nhuận sau thuế	18.8	6.74	179%	101	88.8	14.0%
LNST của CĐ cty mẹ	17.3	6.56	163%	91.1	77.4	17.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	47.6	27.9	50.8	25.5	60.3	17.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-20.6	-13.4	32.5	-20.9	15.1	-15.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-49.5	-20.6	-46.7	-37.0	-72.3	-25.6
Tiền đầu kỳ	51.6	29.1	23.0	59.6	27.2	30.3
Lưu chuyển tiền thuần	-22.5	-6.07	36.6	-32.4	3.13	-24.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	29.1	23.0	59.6	27.2	30.3	6.34

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	649	697	-6.9%
Tài sản ngắn hạn	171	193	-11.4%
Tiền và tương đương tiền	6.34	59.6	-89.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	119	94.2	25.8%
Phải thu ngắn hạn	42.9	36.2	18.7%
Hàng tồn kho	2.46	2.49	-1.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.48	0.26	82.2%
Tài sản dài hạn	478	504	-5.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	407	433	-6.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.21	0.21	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	71.1	70.6	0.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	28.0	39.7	-29.5%
Nợ ngắn hạn	28.0	39.7	-29.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	5.04	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.27	5.68	-7.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	621	657	-5.6%
Vốn chủ sở hữu	621	657	-5.6%
Vốn điều lệ	320	320	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

